

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Gói thầu “Mua sắm thiết bị tin học” thuộc dự toán mua sắm “Mua sắm tập trung thiết bị tin học năm 2022 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 3676/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và đơn vị mua sắm tập trung cấp tỉnh của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung thiết bị tin học năm 2022 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Biên bản thương thảo thỏa thuận khung thực hiện gói thầu “Mua sắm thiết bị tin học” thuộc dự toán mua sắm “Mua sắm tập trung thiết bị tin học năm 2022 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu” giữa Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Nhà thầu liên danh Scm - Ánh Dương - Tân Hiệp Thành được ký ngày 01/12/2022;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTCNTT&TT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm thiết bị tin học” thuộc dự toán mua sắm “Mua sắm tập trung thiết bị tin học năm 2022 của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”, số TBMT IB2200035502.

Hôm nay, ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, chúng tôi, đại diện cho các bên ký Thỏa thuận khung mua sắm tập trung, gồm có:

Đơn vị mua sắm tập trung (sau đây được gọi là Bên A)

Tên đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa chỉ: 03 Nguyễn Tất Thành, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 0254.3561777 - Fax: 0254.3563657

Người đại diện: (Ông) Nguyễn Bảo Bình - Chức vụ: Giám đốc



Nhà thầu liên danh Scm - Ánh Dương - Tân Hiệp Thành (sau đây được gọi là bên B)

Tên thành viên 1: **Công Ty TNHH S.C.O.M**

Địa chỉ: 65 Nguyễn Tất Thành, phường Phước Nguyên, thành Phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0254.3720620

Mã số thuế: 3500799971

Đại diện là: (Ông) Nguyễn Anh Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

Tên thành viên 2: **Công ty TNHH Đầu tư Ánh Dương Vũng Tàu**

Địa chỉ: 303 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0933.391308

Mã số thuế: 3502413408

Đại diện là (Bà): Phạm Thanh Huyền - Chức vụ: Giám đốc

Tên thành viên 3: **Công Ty TNHH Xây dựng Thương Mại Đầu tư Tân Hiệp Thành**

Địa chỉ: 246 Huyền Trân Công Chúa, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: 0907.277774

Mã số thuế: 3501985836

Đại diện là (Ông): Huỳnh Công Quốc - Chức vụ: Giám đốc

Điều 1. Phạm vi cung cấp tài sản

1. Tên tài sản cung cấp và cấu hình chi tiết của tài sản: trong phụ lục 01, phụ lục 02 kèm theo thỏa thuận khung.

2. Bảng kê số lượng tài sản: trong phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung.

3. Danh sách các Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản) và địa chỉ bàn giao, lắp đặt: trong phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung.

Bên B cung cấp toàn bộ tài sản (hàng hóa) cho các Bên mua sắm tài sản. Các thành viên trong Nhà thầu liên danh của Bên B sẽ tự lập bản thỏa thuận liên danh về khu vực bán hàng theo đúng tỉ lệ giá trị phần trăm trong thỏa thuận liên danh ngày 15/11/2022 (mỗi thành viên sẽ cung cấp tài sản cho một số Đơn vị Bên mua sắm tài sản theo khu vực), điều này tương đương với việc một trong các thành viên của Bên B bán hàng cho Bên mua sắm tài sản nào sẽ tự ký kết hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu, xuất hóa đơn và thanh lý hợp đồng với Bên mua sắm tài sản đó.

Điều 2. Giá bán tài sản

1. Giá trị Thỏa thuận khung là: **45.473.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu đồng).**

2. Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản: trong phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung.

3. Chi tiết cấu hình thiết bị: trong phụ lục 02 kèm theo thỏa thuận khung.

Điều 3. Thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung

1. Thanh toán: Các cơ quan, đơn vị (bên mua sắm tài sản) trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản sẽ thanh toán cho Nhà thầu được đơn vị mua sắm tập trung lựa chọn cung cấp tài sản theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thanh lý: Ngay sau khi nhà thầu cung cấp đầy đủ tài sản cho tất cả các cơ quan, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản, bên mua sắm tài sản thanh toán đầy đủ và thanh lý với nhà thầu.

Điều 4. Thời gian, địa điểm bàn giao tài sản

1. Thời gian bàn giao tài sản: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

2. Địa điểm giao tài sản: trong phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung.

Điều 5. Bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng tài sản

Việc bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng được thực hiện bởi thành viên đại diện Nhà thầu liên danh của Bên B.

Thành viên nào trong Nhà thầu liên danh của Bên B ký kết hợp đồng mua sắm tài sản với Bên mua sắm tài sản nào thì phải có trách nhiệm giao hàng, bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng tất cả sản phẩm đã cung cấp cho Bên mua sắm tài sản đó.

1. Điều kiện bảo hành:

Thời gian bảo hành thiết bị như trong phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung, được tính kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản.

Khi có yêu cầu về bảo hành hoặc có sự cố về lỗi thiết bị, Nhà thầu phải hướng dẫn cho người sử dụng phương thức xử lý tạm thời qua điện thoại, nếu không khắc phục được lỗi thiết bị (theo hướng dẫn qua điện thoại) thì Nhà thầu phải cử nhân sự đến tận nơi sử dụng để khắc phục lỗi thiết bị trong vòng 12 giờ, trường hợp Nhà thầu đến tận nơi mà không khắc phục được lỗi thiết bị thì Nhà thầu chuyển thiết bị lỗi về trung tâm bảo hành của Hãng hoặc Nhà sản xuất để sửa chữa, tổng thời gian từ lúc Nhà thầu tiếp nhận và hoàn trả lại thiết bị (đã được khắc phục lỗi) cho Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản không quá 05 ngày làm việc. Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các lỗi thiết bị. Trong thời gian này Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có quyền yêu cầu Nhà thầu cho mượn thiết bị sử dụng thay thế nếu cần thiết.

2. Điều kiện bảo trì, duy tu, bảo dưỡng:

Thời gian bảo trì, duy tu, bảo dưỡng: Cùng thời gian bảo hành của từng thiết bị

Khi có yêu cầu về bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, Nhà thầu phải cử nhân sự đến tận nơi sử dụng để thực hiện các công việc liên quan đến bảo trì, duy tu, bảo dưỡng thiết bị.



007
ÔN
NHIỆ
C.
BÀ R

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

3. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Nhà thầu cung cấp tài sản phải hướng dẫn sử dụng tài sản tại địa điểm lắp đặt tài sản cho Bên mua sắm tài sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị mua sắm tập trung:

1.1. Ký kết thỏa thuận khung với Nhà thầu cung cấp tài sản.

1.2. Đăng tải nhà thầu cung cấp tài sản, thỏa thuận khung ký kết giữa nhà thầu và Đơn vị mua sắm tập trung, tài liệu mô tả chi tiết từng tài sản (tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn giá, xuất xứ); mẫu Hợp đồng mua sắm với từng loại tài sản, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản, Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.3. Thông báo đến các Đơn vị đăng ký mua sắm tập trung.

1.4. Giám sát việc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng của nhà thầu được lựa chọn; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu cung cấp tài sản:

- Bên B ký kết hợp đồng, nghiệm thu bàn giao và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Bên mua sắm tài sản (theo mẫu phụ lục 3 đính kèm);

- Hợp đồng mua sắm phải được ký kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung mua sắm tập trung có hiệu lực.

- Bên B phải cung cấp đầy đủ các tài sản, mô tả chi tiết tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của hàng hóa, số lượng (theo phụ lục 01 kèm theo thỏa thuận khung); lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tài sản, phiếu bảo hành hàng hóa tại đơn vị sử dụng tài sản.

- Có trách nhiệm bảo hành, bảo trì, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng cho đơn vị sử dụng tài sản đối với tài sản đã cung cấp theo đúng cam kết trong E-HSDT.

- Bên B phải cung cấp cho bên A và các Đơn vị mua sắm tài sản bản chính hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa (CQ), Giấy chứng nhận xuất xứ của hàng hóa (CO) hoặc Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng.

- Cung cấp chứng từ hóa đơn hợp lệ cho Bên mua sắm tài sản.

3. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua sắm tài sản:

3.1. Ký kết Hợp đồng:

- Bên mua sắm tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với một trong những thành viên trong nhà thầu liên danh đã được đơn vị mua sắm tập trung ký thỏa thuận khung.

- Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo thỏa thuận khung này.

- Hợp đồng phải được ký kết trong vòng 30 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

- Trường hợp tại thời điểm ký hợp đồng mua sắm tài sản, giá thị trường của tài sản thấp hơn giá trúng thầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử

dụng tài sản đàm phán với nhà thầu để giảm giá cho phù hợp với giá thị trường (Theo Quy định Khoản 1 Điều 78 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017).

- Chuẩn bị nguồn kinh phí thanh toán sau khi ký kết hợp đồng mua sắm tài sản, bố trí người đại diện tiếp nhận tài sản.

3.2. Kiểm tra, tiếp nhận tài sản:

Phải lập thành Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo mẫu tại *Phụ lục 03* kèm theo thỏa thuận khung này và kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan, gồm:

- a) Hợp đồng mua sắm tài sản;
- b) Hóa đơn bán hàng;
- c) Phiếu bảo hành hoặc tem bảo hành;
- d) Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng;
- e) Bản chính hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận chất lượng của hàng hóa (CQ), Giấy chứng nhận xuất xứ của hàng hóa (CO) hoặc Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng.
- f) Các tài liệu khác có liên quan;
- g) Các văn bản giấy tờ khác (nếu có).

3.3. Thanh toán:

- Bên mua sắm tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho nhà thầu cung cấp tài sản trong vòng 30 ngày kể từ ngày Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản đã được ký kết.

- Việc thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

3.4. Thanh lý:

- Bên mua sắm tài sản có trách nhiệm Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản.

- Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản.

- Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu cung cấp tài sản.

3.5. Các văn bản (*bản chính*) liên quan bao gồm Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản, Thanh lý hợp đồng giữa Bên mua sắm tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản đều phải gửi 01 bản cho Đơn vị mua sắm tập trung.

3.6. Phản ánh đầy đủ kịp thời nếu phát hiện nhà thầu vi phạm hợp đồng cho đơn vị mua sắm tập trung bằng cách gửi văn bản về đơn vị mua sắm tập trung hoặc tham gia nhóm Zalo bằng cách bấm vào link <https://zalo.me/g/cyiofr139> để phản ánh hoặc liên hệ (Ông) Nguyễn Tiến Minh – Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số điện thoại 0254.3561777 / 0913.383.272.



Điều 7. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung là 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày đã được hai bên ký kết.

Điều 8: Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung

1. Giá trị bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung cho Bên A với số tiền là: **909.460.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).**

2. Hình thức bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung: Bảo lãnh Ngân hàng.

3. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Thỏa thuận khung.

4. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung có hiệu lực là 75 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

5. Bên B nộp bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực.

Điều 9: Bất khả kháng

1. Trong Thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

4. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 10 của Thỏa thuận khung này.

Điều 10: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. Luật áp dụng đối với Thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán trực tiếp, thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau.

2. Trường hợp quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc đàm phán cuối cùng không thành công, thì hai bên sẽ đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

Điều 11: Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung

1. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Bên A, mức bồi thường thiệt hại do vi phạm Thỏa thuận khung căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

2. Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện đúng tiến độ qui định của Thỏa thuận khung thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt là 1%/tuần giá trị phần công việc chậm tiến độ nhưng tối đa không vượt quá 8% giá trị phần công việc chậm tiến độ theo quy định của Thỏa thuận khung.

Điều 12: Các nội dung liên quan khác

Thỏa thuận khung được lập thành 383 (ba trăm tám mươi ba) bản có giá trị pháp lý như nhau, Đơn vị mua sắm tập trung giữ 03 (ba) bản, Nhà thầu cung cấp tài sản giữ 06 (sáu) bản, các Đơn vị mua sắm tài sản: Mỗi đơn vị giữ 01 (một) bản./.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các Đơn vị mua sắm tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu./.

Đại diện hợp pháp của đơn vị mua sắm tập trung

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Giám đốc



Nguyễn Bảo Bình

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu liên danh Scm - Ánh Dương - Tân Hiệp Thành

Công Ty TNHH

S.C.O.M

Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Công ty TNHH Đầu tư

Ánh Dương Vũng Tàu

Giám đốc



Phạm Thanh Huyền

Công Ty TNHH Xây dựng Thương

Mại Đầu tư Tân Hiệp Thành

Giám đốc



Huỳnh Công Quốc